

Tuần: 19
Tiết PPCT: 37
Ngày soạn: 2/1/2026

BÀI 13: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP (1945 -1954) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ (1954 – 1975) (T1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975).

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- + Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.
- + Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.
- + Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

***Năng lực riêng:**

- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954- 1975).

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Tích cực học tập văn hoá, ngoại ngữ để có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế trong tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyên giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 đoạn video về Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn độc lập và hỏi ? Em có cảm nhận gì về đoạn video vừa xem?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Chỉ thị Kháng chiến kiến quốc (25 – 11 – 1945) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có đoạn: “Về ngoại giao, kiên trì chủ trương ngoại giao với các nước theo nguyên tắc “bình đẳng và tương trợ” (...) thuật ngoại giao là làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết.

(Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đảng toàn tập, Tập 8, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 27).

Trên tinh thần đó, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã tiến hành các hoạt động đối ngoại quan trọng, góp phần đưa cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975) đến thắng lợi cuối cùng. Hãy chia sẻ điều em biết về những hoạt động đối ngoại của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà từ năm 1945 đến năm 1975. Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

a. Mục tiêu - Nêu được những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập?

? Hoàn thành bảng tóm tắt những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945-1954)

Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)		
Thời gian	Hoạt động đối ngoại chủ yếu	Ý nghĩa
Ngày 6/3/1946		
Ngày 14/9/1946		
Năm 1950		
Năm 1951		
Tháng 5/1954		
Ngày 21/7/1954		

? Em hãy giải thích tại sao các hoạt động đối ngoại của Việt Nam lại có vai trò quan trọng đối với việc đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi cuối cùng?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

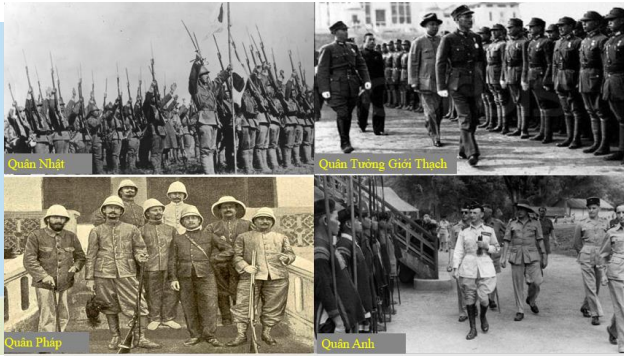
GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

NVI



Ngày 14/1/1950 Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố sẵn sàng đặt quan hệ ngoại giao với các nước

Hội đồng Hòa bình thế giới (World Peace Council) được thành lập năm 1949, có trụ sở chính (Ban Thư ký) tại Athen, Hy Lạp.



-18/1/1950 chính phủ cộng hòa Nhân dân Trung Hoa



-30/1/1950 chính phủ Liên Xô



Năm 1951, Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.



Tướng Pháp Đen-thầy (bên trái) và Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu ký kết Hiệp định Genève, tháng 7-1954.



Toàn cảnh đôi bờ cầu Hiền Lương (1961) trong những năm tháng đất nước bị chia lìa sau khi hiệp định Genève được ký kết

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)		
Thời gian	Hoạt động đối ngoại chủ yếu	Ý nghĩa
Ngày 6/3/1946	Kí với Pháp bản Hiệp định Sơ bộ.	Tranh thủ thời gian hoà hoãn chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến
Ngày 14/9/1946	Kí với Pháp bản Tạm ước	
Năm 1950	Thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác	Tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế
Năm 1951	Liên minh nhân dân Việt – Miên – Lào được thành lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và tôn trọng chủ quyền của nhau.	Củng cố tình hữu nghị chống kẻ thù chung
Tháng 5/1954	Tham gia Hội nghị quốc tế về Đông Dương được tổ chức ở Giơ-ne-vơ	Buộc Pháp rút quân, công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.
Ngày 21/7/1954	Kí Hiệp định Giơ-ne-vơ.	

? Em hãy giải thích tại sao các hoạt động đối ngoại của Việt Nam lại có vai trò quan trọng đối với việc đưa cuộc kháng chiến chống Pháp đi đến thắng lợi cuối cùng?

- ✓ Hoạt động đối ngoại của Việt Nam nhằm thêm bạn, bớt thù, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho cuộc kháng chiến.
- ✓ Góp phần cô lập kẻ thù của nhân dân Việt Nam
- ✓ Nâng cao vị thế Việt Nam trên trường quốc tế, tuyên truyền về tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954)

- Với Trung Hoa Dân quốc, với Pháp, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà thực hiện sách lược hoà hoãn để tranh thủ thời gian củng cố chính quyền cách mạng; đồng thời, luôn thể hiện thiện chí hoà bình với Chính phủ Pháp và nhân dân Pháp.

- Nhằm tranh thủ sự ủng hộ quốc tế, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà gặp gỡ đại diện nhiều tổ chức quốc tế, thành lập các hội hữu nghị và Uỷ ban Bảo vệ hoà bình

- Năm 1954, tham gia Hội nghị quốc tế về Đông Dương được tổ chức ở Giơ-ne-vơ, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà đã kiên trì đấu tranh bảo vệ các lợi ích chính đáng của ba nước Đông Dương.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

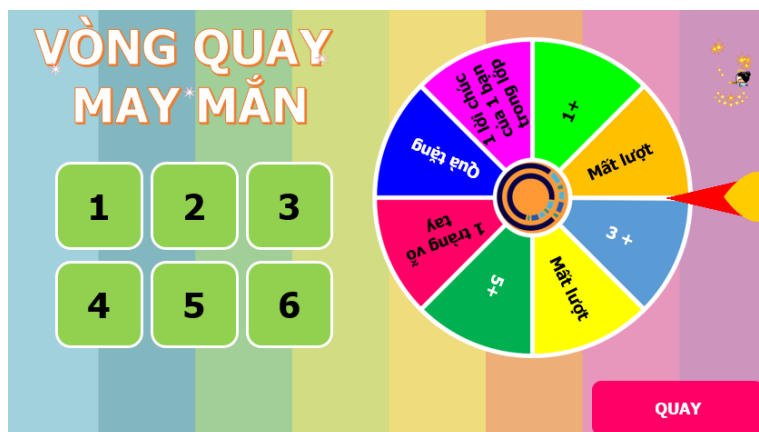
c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: Vòng quay may mắn

GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm cử đại diện lên quay câu hỏi, trả lời đúng sẽ nhận được phần thưởng từ ô đó



Câu 1: Sự kiện nào là mốc đánh dấu kết thúc cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)?

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết
- B. Thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ.
- C. Quân Pháp xuống tàu rút khỏi Hải Phòng.
- D. Bộ đội Việt Nam tiến vào tiếp quản Hà Nội.

Câu 2: Thắng lợi lớn nhất mà nhân dân Việt Nam đạt được trong hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương là gì?

- A. Pháp cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.
- B. Các nước tham dự Hội nghị cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của ba nước Đông Dương.
- C. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.
- D. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 3: Việc ký với pháp bản hiệp định Sơ bộ và Tạm ước đã giúp chúng ta có thời gian hòa hoãn, chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 4: Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc và Trung Quốc vào thời gian nào?

- A. 1945
- B. 1946
- C. 1950
- D. 1975

Câu 5: Tham dự hội nghị Giơ-ne-vơ về Đông Dương gồm có những nước nào?

- A. Mĩ, Anh, Pháp, Việt Nam, Liên Xô.
- B. Liên Xô, Việt Nam, Lào, Mĩ, Pháp.
- C. Liên Xô, Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Mĩ, Pháp.
- D. Liên Xô, Trung Quốc, Việt Nam, Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 6: Ai là người dẫn đầu đoàn đại biểu của nước ta tham dự hội nghị Giơ-ne-vơ 1954?

- A. Võ Nguyên Giáp
- B. Phạm Văn Đồng
- C. Tôn Đức Thắng
- D. Nguyễn Chí Thanh

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

CH	1	2	3	4	5
DA	A	B	A	C	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách báo và internet, về những bài học rút ra từ hoạt động ngoại giao của nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). Theo em bài học nào có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

BÀI 13: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN NAY (T2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954).

Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975).

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

*** Năng lực riêng:**

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) và kháng chiến chống Mỹ (1954- 1975).

3. Về phẩm chất

Trách nhiệm: Ý thức được trách nhiệm của thế hệ trẻ góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

Tích cực học tập văn hoá, ngoại ngữ để có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu hợp tác, hội nhập quốc tế trong tương lai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS xem 1 đoạn video về Bác Hồ kêu gọi toàn quốc đứng lên kháng chiến và hỏi ? Xem đoạn video và cho biết đây là sự kiện lịch sử nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)

a. Mục tiêu - Nêu được những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ (1954-1975).

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập?

? Hoàn thành bảng tóm tắt những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)

Giai đoạn	Một số hoạt động đối ngoại chủ yếu	Ý nghĩa

Kháng chiến chống Mỹ 1954 -1964		
Kháng chiến chống Mỹ 1965 – 1975		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh



Hình 3. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp đoàn nhà báo của Đảng Cộng sản I-ta-li-a (5 - 1959)



Các tầng lớp nhân dân Sài Gòn biểu tình đòi Mỹ Diệt thi hành các quyết định của hội nghị Gomever



▲ Hình 13.3. Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp Đoàn đại biểu phong trào Hoà bình Pháp thăm Việt Nam ngày 15 - 3 - 1955



▲ Hình 13.4. Chủ tịch Hồ Chí Minh kí Tuyên bố chung tại Hội nghị đại biểu của 81 Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế họp ở Mát-xcơ-va tháng 11 - 1960

Trong thư gửi tới Hội nghị nhân dân Đông Dương (25/02/1965), Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhân dân ba nước anh em Việt Nam, Campuchia và Lào vốn đã luôn luôn cùng nhau sát cánh chống kẻ thù chung là chủ nghĩa thực dân, đế quốc. Đứng trước nguy cơ một cuộc chiến tranh mở rộng do Mỹ gây nên, nhân dân ba nước chúng ta đoàn kết chặt chẽ chống đế quốc Mỹ, thì chúng ta nhất định thắng lợi”



Tại Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương (1970). Từ trái sang phải: Các vị Xihanúc, Nguyễn Hữu Thọ, Phạm Văn Đồng, Xuphanuvông.

“Các bên Campuchia, Lào, Việt Nam khẳng định mục tiêu chiến đấu của mình là độc lập, hòa bình, trung lập, không cho phép nước ngoài có quân đội hay căn cứ quân sự trên đất nước mình, không tham gia liên minh quân sự, không cho phép nước ngoài dùng lãnh thổ mình để đi xâm lược nước khác. Về quan hệ ba nước, việc giải phóng và bảo vệ đất nước là sự nghiệp của nhân dân mỗi nước, các bên cam kết hết lòng ủng hộ lẫn nhau; các bên tuyên bố quyết tâm bảo vệ và phát triển tình hữu nghị anh em và quan hệ láng giềng tốt đẹp giữa ba nước, trước mắt ủng hộ lẫn nhau chống kẻ thù chung và sau này hợp tác lâu dài trong việc xây dựng đất nước theo con đường riêng của mỗi nước”.



Năm 1968, Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân Mỹ (gọi tắt là Ủy ban Việt – Mỹ) được thành lập

Tháng 7/1968, Ủy ban Việt Nam đoàn kết với nhân dân tiến bộ Mỹ được thành lập, do Giáo sư Hoàng Minh Giám, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, làm Chủ tịch. Từ thời điểm đó cho đến khi nhân dân ta giành thắng lợi hoàn toàn (năm 1975), Ủy ban đã làm đầu mối quan hệ với tất cả các tổ chức và cá nhân của phong trào phản chiến ở Mỹ



Đại hội thành lập Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ngày 6-6-1969 tại Tây Ninh.

Hội nghị Paris về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình tại Việt Nam.



Bộ trưởng Xuân Thủy và đoàn đại biểu Việt Nam tại cuộc gặp gỡ giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ về hòa bình tại Việt Nam, Paris, ngày 13/5/1968.



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Giai đoạn	Một số hoạt động đối ngoại chủ yếu	Ý nghĩa
Kháng chiến chống Mỹ 1954 -1964	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động đối ngoại của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà tập trung đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ thông qua việc phối hợp với các tổ chức quốc tế. - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà củng cố, tăng cường quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là với Liên Xô, Trung Quốc, vận động các nước xã hội chủ nghĩa ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thúc đẩy hình thành mặt trận thế giới đoàn kết với Việt Nam. - Củng cố mặt trận đoàn kết ba nước Đông Dương; tăng cường đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa.
Kháng chiến chống Mỹ 1965 – 1975	<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ủng hộ cuộc đấu tranh đòi độc lập của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ La-tinh. - Ngày 27-1 – 1973, Hiệp định Pa-ri được kí kết và Mỹ cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ Việt Nam. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tăng cường sự đoàn kết của quốc tế. - Góp phần quan trọng đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn

Bước 3: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954 – 1975)

- Giai đoạn 1954-1964: Dựa vào cơ sở pháp lí của Hiệp định Giơ-ne-vơ đấu tranh chống lại các chính sách và hành động phá hoại hiệp định của Mỹ - Diệm. Tăng cường đoàn kết ba dân tộc Đông Dương; mở rộng quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước vừa giành được độc lập. Thúc đẩy hình thành mặt trận thế giới đoàn kết với Việt Nam.

- Giai đoạn 1965-1973: Tuyên truyền tính chính nghĩa của cuộc kháng chiến; tố cáo cuộc chiến tranh xâm lược và tội ác của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Tiếp tục củng cố mặt trận đoàn kết ba nước Đông Dương; tăng cường đoàn kết và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy hình thành phong trào nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới chống chiến tranh, ủng hộ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

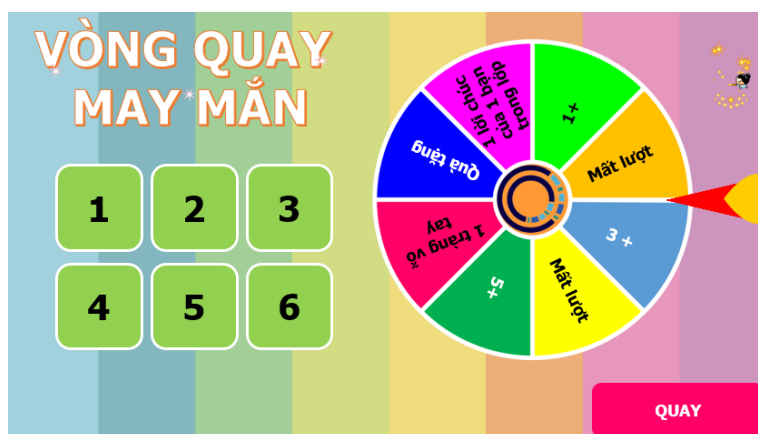
c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: Vòng quay may mắn

GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm cử đại diện lên quay câu hỏi, trả lời đúng sẽ nhận được phần thưởng từ ô đó



Câu 1: Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền nam Việt Nam được thành lập vào thời gian nào

- A. 6/1969
- B. 1976
- C. 1946
- D. 1991

Câu 2: Thắng lợi quan trọng của Hiệp định Pa-ri đối với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước là gì?

- A. Mỹ cam kết góp phần vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương.
- B. Vào thời cơ thuận lợi để nhân dân ta tiến tới đánh cho “Ngụy nhào”.
- C. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, lập lại hòa bình ở Đông Dương.
- D. Các bên tham chiến thực hiện ngừng bắn, trao trả tù binh và dân thường bị bắt.

Câu 3: Đến năm 1973, có bao nhiêu quốc gia trên thế giới thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

- A. 40
- B. 30
- C. 20
- D. 10

Câu 4: Hiệp định Pari về Việt Nam năm 1973 là kết quả của sự kết hợp những yếu tố nào?

- A. Cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân miền Bắc
- B. Cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân miền Nam
- C. Cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với sự ủng hộ của quốc tế.
- D. Cuộc đấu tranh quân sự-chính trị - ngoại giao của nhân dân 2 miền Nam Bắc

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

CH	1	2	3	4
DA	A	B	C	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm kiếm thông tin và hình ảnh từ sách báo và internet, về những bài học rút ra từ hoạt động ngoại giao của nhà nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975). Theo em bài học nào có thể vận dụng vào hoạt động đối ngoại của Việt Nam hiện nay?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

.....
Tuần: 21
Tiết PPCT: 39
Ngày soạn: 8/1/2026

BÀI 14: HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM TỪ NĂM 1975 ĐẾN NAY

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985, giai đoạn từ năm 1986 đến nay

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

+ Năng lực tự chủ và tự học: khả năng thực hiện nhiệm vụ một cách độc lập; tự lực làm những nhiệm vụ học tập được giao trên lớp và ở nhà.

+ Năng lực giao tiếp và hợp tác: hợp tác và giao tiếp với các bạn trong các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: phát hiện được vấn đề từ các nhiệm vụ học tập và tìm cách giải quyết chúng.

***Năng lực riêng:**

+ Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử thông qua việc nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ 1975 đến nay.

+ Năng lực vận dụng kiến thức đã học để lí giải về yêu cầu, cơ sở, sự phát triển của các hoạt động đối ngoại mà Việt Nam tiến hành từ năm 1975 đến nay; từ đó có những việc làm góp phần vào việc xây dựng hình ảnh đẹp, thân thiện của đất nước Việt Nam trong cộng đồng quốc tế.

3. Về phẩm chất

Trung thực: học tập, cầu thị, cầu tiến bộ.

Trách nhiệm: Cô khát khao tìm hiểu, nghiên cứu lịch sử, nhất là lịch sử các hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.

- Yêu nước: Tự hào về truyền thống ngoại giao của cha ông trong lịch sử, từ đó hình thành ý thức quảng bá hình ảnh đất nước ra khu vực, thế giới.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.

- Các kênh hình (phóng to).

- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS hoạt động cá nhân, tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn".

- Thẻ lệ trò chơi: GV thiết kế trò chơi có 4 ô cửa, mỗi ô cửa sẽ có một câu hỏi được GV gợi ý bằng một hình ảnh mà GV muốn HS tìm hiểu. Nhiệm vụ của HS (làm việc cá nhân) là tìm ra đáp án cho từng ô cửa. GV gọi HS giơ tay nhanh nhất trả lời đáp án, mỗi câu trả lời đúng được tính một lần tương tác.

– Nội dung trò chơi: GV sưu tầm hình ảnh trên internet, yêu cầu HS quan sát hình ảnh và cho biết nội dung những hoạt động đối ngoại của Việt Nam được nhắc đến trong hình.

- Ô số 1: Hội nghị Giơ-ne-vơ (Thụy Sĩ) năm 1954 bàn về vấn đề lập lại hoà bình ở Đông Dương.

Ô số 2: Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình kí Hiệp định Pa-ri về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam (1973).

- Ô số 3: Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Duy Trinh dự lễ kéo cờ Việt Nam tại trụ sở Liên hợp quốc ngày 20-9-1977.

- Ô số 4: Việt Nam gia nhập ASEAN (28-7-1995).

- Ô số 5: Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng hội đàm với Tổng thống Giô Bai-đơn tại Hà Nội vào ngày 10-9-2023.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.

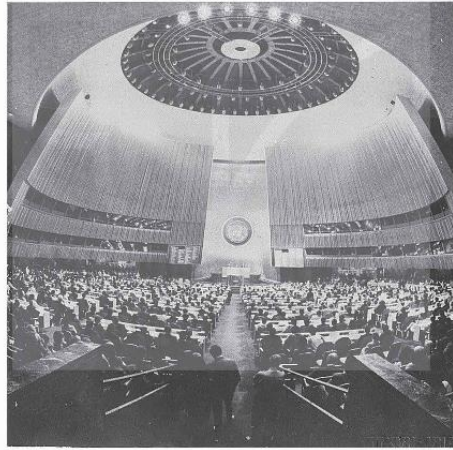
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Ngày 20-9-1977, Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Liên hợp quốc. Sự kiện này là một hoạt động đối ngoại quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn mới. Hãy chia sẻ hiểu biết của em về một số hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam từ năm 1975 đến nay.



Hình 1. Ki họp lần thứ 32 Đại hội đồng Liên hợp quốc (9 - 1977) thông qua Nghị quyết công nhận Việt Nam là thành viên của tổ chức này

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

a. **Mục tiêu**- - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn 1975-1985

b. **Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. **Sản phẩm**: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập?

? Hoàn thành bảng tóm tắt những hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn (1975 – 1985)

Những hoạt động	Những nét chính
Với các nước xã hội chủ nghĩa	
với các nước Đông Nam Á	
Với các tổ chức quốc tế và các nước khác	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh



- Ngày 29-6-1978, Việt Nam gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV), tham gia các hoạt động của SEV

- Đối với Trung Quốc, Việt Nam chủ động giải quyết những bất đồng, xung đột về biên giới trên đất liền và trên biển, kiên quyết bảo vệ toàn vẹn chủ quyền quốc gia, khôi phục quan hệ hữu nghị, láng giềng giữa hai nước.



- Ngày 18-7-1977, kí kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa hai nước Việt Nam và Lào. Ngày 03-11-1978, kí kết Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Liên Xô.

Tư liệu 5
 Ngày 05 - 7 - 1976, Việt Nam công bố "Chính sách bốn điểm" trong quan hệ với các nước Đông Nam Á:

- Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không xâm lược nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi, cùng tồn tại hoà bình.
- Không để lãnh thổ nước mình cho bất cứ nước ngoài nào sử dụng làm căn cứ xâm lược và can thiệp vào các nước khác trong khu vực.
- Thiết lập quan hệ hữu nghị láng giềng tốt, hợp tác kinh tế và trao đổi văn hoá trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi. Giải quyết những vấn đề tranh chấp giữa các nước trong khu vực thông qua thương lượng theo tinh thần bình đẳng, hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau.
- Phát triển hợp tác vì sự nghiệp xây dựng đất nước, phấn đấu theo điều kiện riêng mỗi nước vì lợi ích đặc lập dân tộc, hoà bình, trung lập thật sự ở Đông Nam Á, góp phần vào sự nghiệp hoà bình thế giới.

(Theo Nguyễn Đình Bin (Chủ biên), Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000, 565)

- Việt Nam đưa ra Chính sách bốn điểm làm cơ sở thiết lập và phát triển quan hệ đối thoại với các nước Đông Nam Á.

VIỆT NAM GIA NHẬP LIÊN HỢP QUỐC

ĐỐI TÁC TIN CẬY CÙNG VÙNG BƯỚC PHÁT TRIỂN

Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc (1977).

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Những hoạt động	Những nét chính
-----------------	-----------------

Với các nước xã hội chủ nghĩa	- Hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là trên lĩnh vực kinh tế; coi trọng quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô; đàm phán với Trung Quốc để giải quyết các xung đột về biên giới, lãnh thổ, lãnh hải. - Việt Nam coi quan hệ hợp tác chặt chẽ với Liên Xô “là nguyên tắc, là chiến lược” trong hoạt động đối ngoại, tranh thủ được sự ủng hộ, giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
với các nước Đông Nam Á	- Thúc đẩy quan hệ với các nước Đông Nam Á, sẵn sàng thiết lập quan hệ hợp tác, cùng tồn tại hoà bình và phát triển với các nước thành viên ASEAN; phát triển quan hệ hữu nghị, tình đoàn kết chiến đấu và hợp tác với Lào, Cam-pu-chia.
Với các tổ chức quốc tế và các nước khác	- Việt Nam tích cực thiết lập quan hệ với nhiều tổ chức quốc tế, với nhiều nước trên thế giới và trong khu vực. - Việt Nam tích cực đấu tranh chống chính sách cấm vận của Mỹ, hợp tác giải quyết các vấn đề nhân đạo...; góp phần đẩy mạnh quan hệ với các nước tư bản, gia nhập các tổ chức quốc tế,... - Tham gia các hoạt động góp phần phát huy vai trò tích cực của Phong trào Không liên kết trong cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn 1975 – 1985

Trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, Việt Nam tích cực thiết lập, mở rộng quan hệ và hợp tác với nhiều nước trên thế giới.

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

a. Mục tiêu- - Nêu được những hoạt động đối ngoại chủ yếu của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập?

? Hoàn thành bảng tóm tắt những hoạt động đối ngoại đối ngoại của Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Nhiệm vụ	Hoạt động chủ yếu
Phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng	
Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống, mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác	
Tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới	
Triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của tổ quốc	
Tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hóa và hỗ trợ	

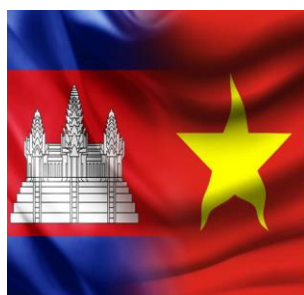
B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

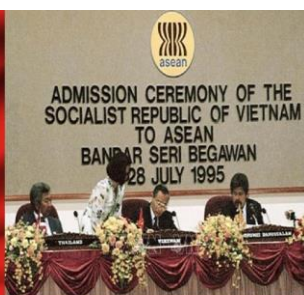
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh



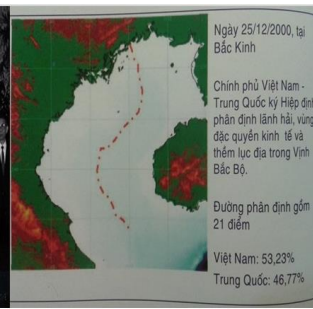
Việt Nam cùng các nước tích cực tham gia tìm giải pháp chính trị cho vấn đề Cam-pu-chia



Việt Nam gia nhập ASEAN vào tháng 7-1995



Việt Nam và Trung Quốc đã bình thường hoá quan hệ (tháng 11 – 1991),



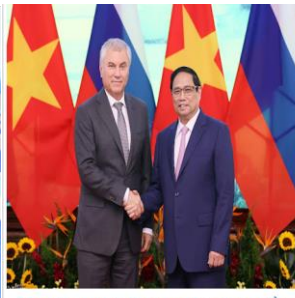
Kí Hiệp định về phân định vịnh Bắc Bộ (tháng 12-2000)



Mỹ thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam (1995)



Quan hệ giữa hai nước lên đời tác chiến lược toàn diện (2023)



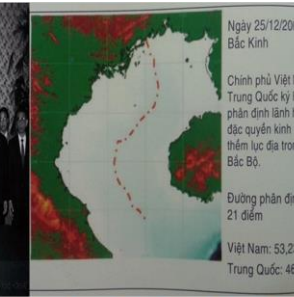
Việt Nam đã tăng cường hợp tác nhiều mặt với Liên bang Nga



Việt Nam là thành viên của 63 tổ chức và diễn đàn khu vực, quốc tế



Việt Nam và Trung Quốc đã bình thường hoá quan hệ (tháng 11 - 1991),



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Nhiệm vụ	Hoạt động chủ yếu
Phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng	- Việt Nam nỗ lực phá thế bao vây cấm vận, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng. - Sau khi Hiệp định Pa-ri về Cam-pu-chia được kí kết (10 - 1991), Việt Nam đã bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (1991), với Mỹ (1995), gia nhập ASEAN (1995),...
Củng cố quan hệ với các đối tác truyền thống,	- Việt Nam không ngừng củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị đặc biệt với Lào, Cam-pu-chia và Cu-ba. Với các nước như Trung

mở rộng quan hệ đối ngoại với các đối tác khác	Quốc, Mỹ, Liên bang Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Việt Nam đẩy mạnh hợp tác và nâng tầm lên quan hệ đối tác chiến lược toàn diện.
Tích cực, chủ động hội nhập khu vực và thế giới	<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam trở thành thành viên có trách nhiệm của nhiều tổ chức quốc tế (ASEAN, WTO,...),... - Việt Nam kí hiệp định tham gia Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), kí kết Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện Khu vực (RCEP),... và nhiều hiệp định quan trọng khác.
Triển khai các hoạt động đối ngoại nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, lãnh hải, biển đảo của tổ quốc	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với Trung Quốc, Việt Nam kí kết các hiệp ước về biên giới trên đất liền và phân định vịnh Bắc Bộ, giải quyết những tranh chấp thông qua biện pháp hoà bình. - Với Lào và Cam-pu-chia, Việt Nam đã đạt được nhiều thoả thuận trong phát triển đường biên giới hoà bình, hữu nghị. - Việt Nam đã đàm phán về ranh giới trên biển với Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan, giải quyết các bất đồng bằng con đường đàm phán, thương lượng.
Tích cực hợp tác nhằm bảo vệ môi trường, giao lưu văn hóa và hỗ trợ	<ul style="list-style-type: none"> - Việt Nam tham gia đàm phán quốc tế về biến đổi khí hậu, kí kết Nghị định thư Ki-ô-tô, cam kết giảm lượng phát thải khí nhà kính. - Việt Nam tích cực thúc đẩy giao lưu văn hoá với các quốc gia khác thông qua các lễ hội văn hoá, chương trình ngoại giao văn hoá và trao đổi giáo dục. - Việt Nam tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thiên tai cho các quốc gia trong và ngoài khu vực như: Cam-pu-chia, Cu-ba, Nê-pan, In-đô-nê-xi-a, I-rắc, Xi-ri, Thổ Nhĩ Kỳ,...

B4: Kết luận, nhận định: (GV) Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong thời kì Đổi mới (từ năm 1986 đến nay)

Trong những năm tiến hành công cuộc Đổi mới, các hoạt động đối ngoại của Việt Nam được triển khai nhằm phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế và nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: Tiêu diệt virut

GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm cử đại diện lên quay câu hỏi, trả lời đúng sẽ nhận được điểm cộng



Câu 1: Trong giai đoạn 1975 – 1985: Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với bao nhiêu quốc gia?

- A. Hơn 10
- B. Hơn 20
- C. Hơn 25
- D. Hơn 30

Câu 2: Việt Nam gia nhập Liên hợp quốc vào khoảng thời gian nào?

- A. 7- 1976
- B. 7- 1977
- C. 9-1977
- D. 7-1979

Câu 3: Ngày 29/6/1978, Việt Nam đã gia nhập tổ chức nào sau đây?

- A. Tổ chức thương mại thế giới
- B. ASEAN
- C. Liên hợp quốc
- D. Hội đồng tương trợ kinh tế

Câu 4: Cộng đồng quốc tế đã tín nhiệm bầu Việt Nam làm Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ nào?

- A. 2009-2010 và 2020-2021
- B. 2008-2009 và 2020-2021
- C. 2008-2009 và 2019-2020
- D. 2008-2009 và 2022-2023

Câu 5: Việt Nam gia nhập ASEAN vào thời gian nào?

- A. 1992
- B. 1994
- C. 1995
- D. 1996

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

CH	1	2	3	4	5
DA	D	C	D	B	C

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Tìm những dẫn chứng về hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn từ năm 1986 đến nay để làm rõ nhận định: Hoạt động đối ngoại đã và đang góp phần quan trọng nâng cao vị thế, uy tín của đất nước trong khu vực cũng như trên thế giới.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

.....
Tuần: 22
Tiết PPCT: 40
Ngày soạn: 18/1/2026

BÀI THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 5
CHỦ ĐỀ 5: LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM
THỜI CẬN – HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề.
- Vận dụng kiến thức để giải thích lịch sử qua bài tập tình huống.

2. Về năng lực:

- Năng lực chung:
 - + Giải quyết vấn đề: thông qua vận dụng được kiến thức lịch sử và sử học để giải thích lịch sử qua bài tập tình huống.
 - + Tự chủ, tự học, giao tiếp và hợp tác: thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử.
- Năng lực riêng
 - + Nhận thức và tư duy lịch sử. Thông qua khai thác thông tin tư liệu, quan sát hình ảnh để hệ thống được những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong chủ đề 1.

- + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lí thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

3. Về phẩm chất:

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên:

- SGK, SBT, Kế hoạch bài học: Dựa vào nội dung của Chương trình môn học SGK để chuẩn bị theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của HS.

- Máy tính, máy chiếu (nếu có) .

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa, SBT

- Tranh ảnh tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học và dụng cụ học tập theo yêu cầu và sự hướng dẫn của GV

III. TIẾN TRÌNH DẠY -HOC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: HS trả lời được câu hỏi thông qua khai thác đoạn video để GV dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: GV trình chiếu cho HS quan sát bức tranh *Lễ ký kết Hiệp định sơ bộ 6.3.1946 tại 38 Lý Thái Tổ, Hà Nội. Từ trái qua phải: Hồ Chí Minh, Hoàng Minh Giám, Sainteny, Pignon, Caput.* Sau đó nêu câu hỏi: HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi



Lễ ký kết Hiệp định sơ bộ 6.3.1946 tại 38 Lý Thái Tổ, Hà Nội. Từ trái qua phải: Hồ Chí Minh, Hoàng Minh Giám, Sainteny, Pignon, Caput.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV cung cấp video, nêu câu hỏi: *Hình ảnh trên nói về sự kiện gì? Chia sẻ một số hiểu biết của em về sự kiện đó?*

- Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS theo dõi video, làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ

+ GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV mời 1 – 2 HS trả lời câu hỏi trước lớp

+ GV mời đại diện HS bàn khác nhận xét, bổ sung.

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

+ GV dẫn dắt vào bài mới: Đây là hình ảnh Lễ ký kết Hiệp định sơ bộ 6.3.1946 tại 38 Lý Thái Tổ, Hà Nội. Hiệp định sơ bộ 6.3.1946 và Tạm ước 14/9/1946 là sự sáng tạo đạt đến đỉnh cao của nghệ thuật đấu tranh ngoại giao Việt Nam. Nó có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với cách mạng Việt Nam bấy giờ và để lại nhiều bài học quý báu cho đấu tranh ngoại giao Việt Nam hiện nay. Vậy chúng ta hãy ôn lại hành trình đấu tranh ngoại giao Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay để thấy được sự sáng tạo và những giá trị của đấu tranh ngoại giao Việt Nam.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Hoạt động 1: BÀI TẬP SỐ 1

a. Mục tiêu: HS áp dụng những kiến thức đã học để thực hành

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- Giáo viên tổ chức trò chơi: Hãy tìm những từ khóa nói về ba nhân vật lịch sử trong lịch sử đối ngoại Việt Nam thời cận hiện đại (Có 10 từ khóa chờ em khám phá)

P	B	D	N	P	R	M	V	G	H	R	V	L	H	M	I	E	Y	I	M
N	H	A	T	V	T	G	A	A	C	T	K	I	A	N	R	S	D	T	X
P	H	A	P	A	O	E	M	I	N	H	M	A	N	G	M	A	K	L	T
T	Q	B	N	G	U	Y	E	N	T	H	I	B	I	N	H	Y	L	E	M
S	U	A	I	B	T	C	K	V	O	I	N	E	C	H	Y	I	O	T	B
E	Y	K	R	D	O	C	L	A	P	D	A	N	T	O	C	M	V	H	V
H	L	T	I	G	H	I	E	P	D	I	N	H	P	A	R	I	K	A	I
L	Y	G	I	E	M	I	C	I	H	Q	U	A	N	D	I	E	N	N	N
C	H	I	E	P	D	I	N	H	S	O	B	O	H	I	M	N	M	H	U
M	N	N	G	N	U	Y	E	N	A	I	Q	U	O	C	T	N	C	T	B
I	H	K	N	I	E	H	M	L	D	U	Y	T	A	N	U	A	B	O	K
K	Q	U	O	C	T	R	I	E	U	H	I	N	H	L	U	M	T	N	N
V	H	H	I	P	I	C	L	M	O	O	U	H	I	T	Y	H	T	G	T
B	L	X	Y	S	V	D	E	I	V	T	K	M	V	K	X	R	O	H	M

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS thảo luận cặp đôi và ai tìm ra đáp án nhanh nhất sẽ trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.
- Sản phẩm dự kiến:

P	B	D	N	P	R	M	V	G	H	R	V	L	H	M	I	E	Y	I	M
N	H	A	T	V	T	G	A	A	C	T	K	I	A	N	R	S	D	T	X
P	H	A	P	A	O	E	M	I	N	H	M	A	N	G	M	A	K	L	T
T	Q	B	N	G	U	Y	E	N	T	H	I	B	I	N	H	Y	L	E	M
S	U	A	I	B	T	C	K	V	O	I	N	E	C	H	Y	I	O	T	B
E	Y	K	R	D	O	C	L	A	P	D	A	N	T	O	C	M	V	H	V
H	L	T	I	G	H	I	E	P	D	I	N	H	P	A	R	I	K	A	I
L	Y	G	I	E	M	I	C	I	H	Q	U	A	N	D	I	E	N	N	N
C	H	I	E	P	D	I	N	H	S	O	B	O	H	I	M	N	M	H	U
M	N	N	G	N	U	Y	E	N	A	I	Q	U	O	C	T	N	C	T	B
I	H	K	N	I	E	H	M	L	D	U	Y	T	A	N	U	A	B	O	K
K	Q	U	O	C	T	R	I	E	U	H	I	N	H	L	U	M	T	N	N
V	H	H	I	P	I	C	L	M	O	O	U	H	I	T	Y	H	T	G	T
B	L	X	Y	S	V	D	E	I	V	T	K	M	V	K	X	R	O	H	M

Bước 4: Đánh giá, chuẩn kiến thức

GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức, bổ sung, chuyển sang bài tập mới.

2. Hoạt động 2: BÀI TẬP SỐ 2

a. Mục tiêu: HS áp dụng những kiến thức đã học để thực hành

b. Nội dung : Học sinh nghiên cứu sách giáo khoa thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi của giáo viên

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV tổ chức cho HS làm việc theo 4 nhóm và thực hiện chung 1 nội dung: *Vẽ sơ đồ tư duy hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời cận – hiện đại.*

- Nhiệm vụ 1: Mỗi nhóm sẽ vẽ sơ đồ tư duy hoạt động đối ngoại của Việt Nam thời cận – hiện đại vào một bảng phụ riêng.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

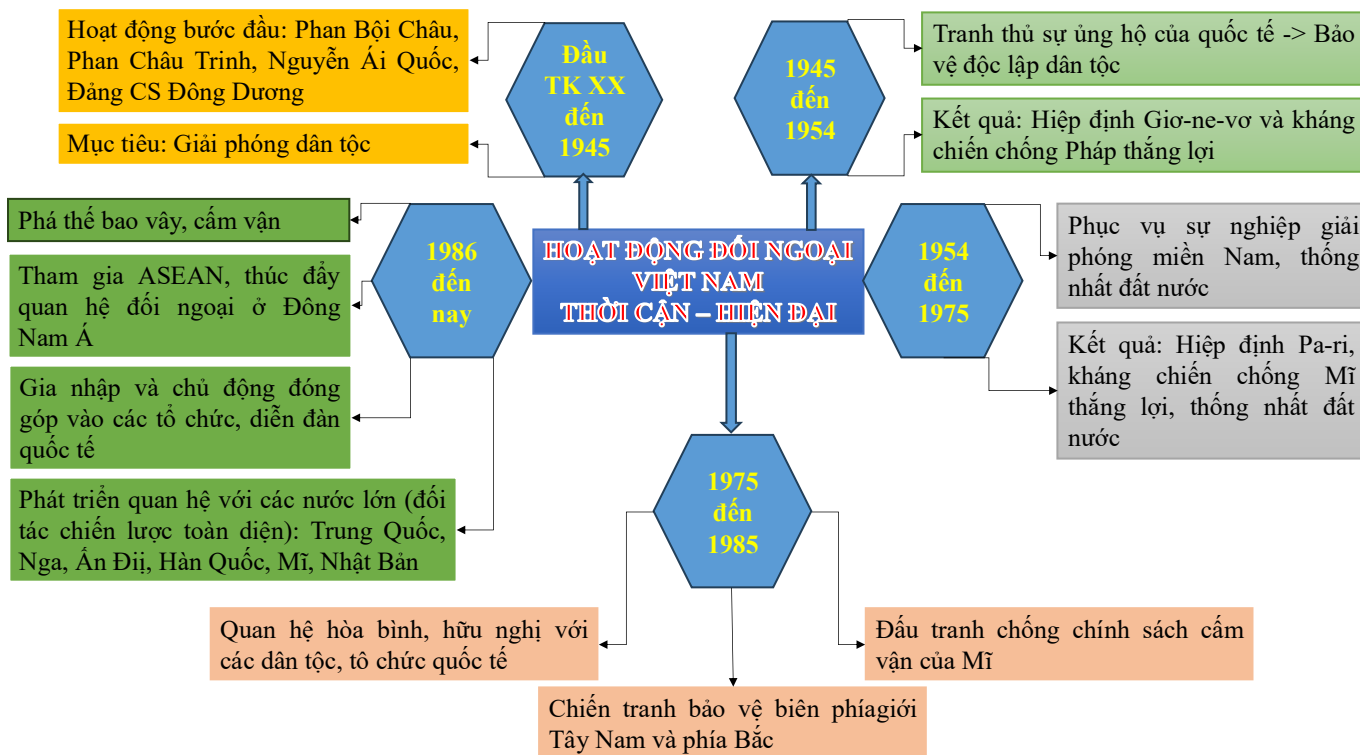
- HS đọc SGK, làm việc nhóm và thực hiện yêu cầu.

- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Các nhóm HS lần lượt treo bảng phụ của nhóm mình lên và thuyết trình phân trả lời của nhóm mình.

- Sản phẩm dự kiến:



Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS các nhóm khác phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của từng nhóm.
- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh và chốt ý.

3. Hoạt động 3: BÀI TẬP SỐ 3

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.

- GV cho HS làm việc theo 4 nhóm và làm bài tập sau: *Theo em, hoạt động đối ngoại có ý nghĩa như thế nào đối với cách mạng Việt Nam?*

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS đọc SGK, suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.
- GV khuyến khích học sinh hợp tác với nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động

- Các nhóm HS lần lượt trả lời các câu hỏi: theo thứ tự 1, 2, 3, 4.
- Sản phẩm dự kiến: Có nhiều câu trả lời khác nhau. Nhưng điểm chốt là hoạt động đối ngoại có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, là một trong những yếu tố góp phần mang đến thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong mỗi thời kì lịch sử (từ đầu thế kỉ XX đến nay).

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả của học sinh.
- GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- a. Mục tiêu:** HS trả lời được những câu hỏi liên quan đến tiền đề, mục tiêu, nhiệm vụ, lãnh đạo, động lực, kết quả, ý nghĩa của hoạt động đối ngoại Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”, HS làm việc theo nhóm, tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi và tính điểm cho từng nhóm.

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời và phiếu học tập của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV nêu thể lệ trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” như sau: HS cả lớp theo dõi mỗi câu hỏi theo 4 bước dữ kiện tương ứng với 4 mức điểm khác nhau. Gồm 4 câu hỏi. Nhóm nào cuối cùng được số điểm cao hơn sẽ là nhóm chiến thắng.

- B1: Nêu câu hỏi – Trả lời được 4 điểm.

- B2: Nêu câu hỏi + 2 bức hình – Trả lời được 3 điểm.

- B1: Nêu câu hỏi + 2 bức hình + nội dung 2 bức hình – Trả lời được 2 điểm.

- B1: Nêu câu hỏi + 2 bức hình + nội dung 2 bức hình + Đáp án – Trả lời được 1 điểm.

Câu hỏi:

1. Tên một thắng lợi to lớn của ta trên mặt trận ngoại giao?

2. Tên một nhà ngoại giao kiệt xuất của lịch sử dân tộc?

3. Tên quốc gia mới trở thành đối tác chiến lược của Việt Nam gần đây nhất?

4. Tên tổ chức là diễn đàn hoạt động đối ngoại của Việt Nam?

- Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS vận dụng kiến thức đã học, tham gia trò chơi, trả lời câu hỏi

+ GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

+ HS các nhóm lần lượt trả lời từng câu hỏi trước lớp theo tinh thần ai nhanh hơn.

+ GV nhận xét, bổ sung (nếu có).

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, đánh giá, tuyên dương HS hoàn thành tốt nhiệm vụ

+ GV chuẩn đáp án

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học, sưu tầm một số hình ảnh, tư liệu để tự trình bày, tìm hiểu thêm về một sự kiện, nhân vật lịch sử.

b. Nội dung: GV nêu nhiệm vụ học tập, HS thực hiện nhiệm vụ (cá nhân), GV hướng dẫn (nếu cần thiết)

c. Sản phẩm học tập: Câu trả lời của HS vào vở bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS chọn 1 trong 2 câu hỏi sau và thực hiện tại nhà, báo cáo kết quả vào tiết học sau.

- Câu hỏi:

1. Hãy giới thiệu về một nhà ngoại giao xuất sắc của lịch sử Việt Nam thời kì cận – hiện đại mà em biết?

2. Hãy giới thiệu về một thành tựu xuất sắc của ngoại giao Việt Nam thời kì cận – hiện đại đã để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em?

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ

- HS vận dụng kiến thức đã học và trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

HS báo cáo kết quả vào tiết học sau.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- GV nhận xét, đánh giá sản phẩm 1 số HS, tuyên dương, thưởng điểm cho những HS có ý thức làm bài tốt.

Tuần: 23

Tiết PPCT: 41

Ngày soạn: 26/1/2026

BÀI 15: KHÁI QUÁT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH (T1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
- Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
- Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

2. Về năng lực

*** Năng lực chung:**

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

*** Năng lực riêng:**

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh; nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng lòng biết ơn, ý thức trân trọng những công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK

- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) **Nội dung:**

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) **Tổ chức thực hiện:**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS hoạt động cá nhân, tổ chức trò chơi "Ai nhanh hơn".

Lớp chia thành 4 đội. Trong vòng 2 phút, viết ra tất cả sự hiểu biết của mình về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đội nào viết được nhiều hơn sẽ giành chiến thắng!



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Năm 2020, trong bài diễn văn tại Lễ kỉ niệm 130 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng phát biểu: “Cuộc đời 79 mùa Xuân của

Chủ tịch Hồ Chí Minh là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Người là kết tinh rạng ngời của đạo đức, trí tuệ, khí phách, lương tri của dân tộc và thời đại."

Theo em, những yếu tố nào đã góp phần tạo nên "đạo đức, trí tuệ, nhân cách" và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh? Hãy chia sẻ những điều em biết về tiến trình hoạt động cách mạng của Người.



Hình 1. Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890 – 1969)

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

- Mục tiêu**- - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
- Nội dung**: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- Sản phẩm**: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi , trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập

? Em hãy trình bày những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh		
Mục	Hoàn cảnh	Tác động
Đất nước		
Quê hương		
Gia đình		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

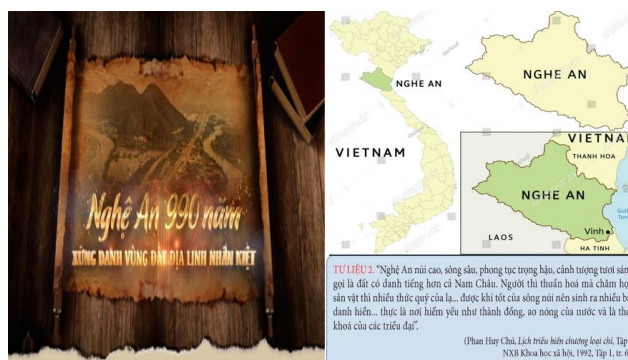
HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh



Pháp cai trị nước ta bằng rượu và thuốc phiện



Làng Hoàng Trù cách làng Kim Liên khoảng 2km, cùng thuộc xã Kim Liên (huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), cách thành phố Vinh khoảng 15km. Nơi đây có cụm di tích Hoàng Trù rộng 3.500m², gồm: Ngôi nhà của cụ Hoàng Đường - ông ngoại của Bác Hồ, ngôi nhà thờ chi nhánh họ Hoàng Xuân, ngôi nhà của ông Nguyễn Sinh Sắc và bà Hoàng Thị Loan - thân sinh Bác Hồ.

Gia đình của Nguyễn Tất Thành

					
Thân phụ: Cụ Nguyễn Sinh Sắc (1862–1929), từng đỗ phó bảng	Thân mẫu: bà Hoàng Thị Loan (1868–1901)	Chị gái: Nguyễn Thị Thanh (sinh năm 1884)	Anh trai: Nguyễn Sinh Khiêm (sinh năm 1888, tự Tất Đạt, còn gọi là Cả Khiêm)	Nguyễn Tất Thành (1890-1969)	Em trai: Nguyễn Sinh Nhuận (1900–1901, tên khi mới lọt lòng là Xin).

Nguyễn Sinh Sắc (Nguyễn Sinh Huy), sinh năm 1862, mất năm 1929, quê ở làng Kim Liên (thường gọi là làng Sen) cùng thuộc xã Chung Cự, nay là xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An. Ông Nguyễn Sinh Sắc xuất thân từ gia đình nông dân, mồ côi cha mẹ sớm, từ nhỏ đã chịu khó làm việc và

ham học. Vì vậy, ông được nhà Nho Hoàng Xuân Đường ở làng Hoàng Trù xin họ Nguyễn Sinh đem về nuôi. Là người ham học và thông minh, lại được nhà Nho Hoàng Xuân Đường hết lòng chăm sóc, dạy dỗ, ông thi đỗ Phó bảng và sống bằng nghề dạy học. Do đó, sau khi đỗ Phó bảng, được trao một chức quan nhỏ, nhưng vốn có tinh thần yêu nước, khảng khái, ông thường chống đối lại bọn quan trên và thực dân Pháp. Vì vậy, sau một thời gian làm quan, ông bị chúng cách chức và thải hồi. Ông vào Nam Bộ làm thầy thuốc, sống cuộc đời thanh bạch cho đến lúc qua đời.

Hoàng Thị Loan

Hoàng Thị Loan, sinh năm 1868, mất năm 1901, là một phụ nữ cần mẫn, đảm đang, đôn hậu, sống bằng nghề làm ruộng và dệt vải, hết lòng thương yêu và chăm lo cho chồng con.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh		
Mục	Hoàn cảnh	Tác động
Đất nước	<ul style="list-style-type: none">- Từ giữa thế kỉ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam. Dưới chế độ thực dân, nên độc lập dân tộc và quyền tự do của đại bộ phận nhân dân bị tước đoạt..- Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các phong trào yêu nước chống Pháp đều thất bại. Đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc và cũng là khát vọng của cả cuộc đời Chủ tịch Hồ Chí Minh.	<ul style="list-style-type: none">- Đấu tranh giành độc lập cho dân tộc tự do và hạnh phúc cho nhân dân là nhiệm vụ cấp bách của dân tộc.- Chọn con đường cứu nước khác với những thế hệ đi trước.
Quê hương	<ul style="list-style-type: none">- Quê hương có truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời, nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước.- Điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và thực tiễn dựng nước, giữ nước đã hun đúc nên những phẩm chất của người xứ Nghệ như: cần cù trong lao động, ý chí trong học tập và đoàn kết trong đấu tranh.- Thời cận đại, Nghệ An có trung tâm công nghiệp Vinh - Bến Thủy lớn nhất khu vực Bắc miền Trung.	<p>Đã tạo cho Người có lòng yêu nước thương dân, chí căm thù giặc, kích thích cao độ ý chí của Người, giúp Người có thêm nhận thức mới, tình cảm</p>

	Vì vậy, nhân dân có nhiều cơ hội được tiếp xúc văn minh phương Tây và đón nhận tư tưởng mới.	mới, nghị lực mới, tầm nhìn mới.
Gia đình	<ul style="list-style-type: none">- Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình yêu nước, cha là Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc – một nhà nho mẫu mực, mẹ là bà Hoàng Thị Loan – một người phụ nữ đảm đang, chăm chỉ và rất am hiểu các loại hình văn hoá dân gian.- Sự nền nếp, truyền thống hiếu học, giàu tình yêu thương của gia đình đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.	- Gia đình chính là nhân tố đầu tiên hình thành nhân cách cao thượng, tình yêu quê hương đất nước của Bác sau này.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh

- Từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược và từng bước áp đặt ách cai trị ở Việt Nam
- Nghệ An là vùng đất có truyền thống lịch sử văn hóa lâu đời nơi khởi nguồn của nhiều phong trào yêu nước.
- Chủ tịch Hồ Chí Minh sinh ra trong một gia đình yêu nước, có truyền thống hiếu học nên sớm hình thành nhân cách tốt đẹp và có sự đồng cảm với nhân dân lao động.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

a. Mục tiêu- Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 – 1911)

GV yêu cầu HS Hoàn thành bảng tóm tắt tiến trình hoạt động cách mạng của chủ tịch Hồ Chí Minh từ năm 1890 đến năm 1911



B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

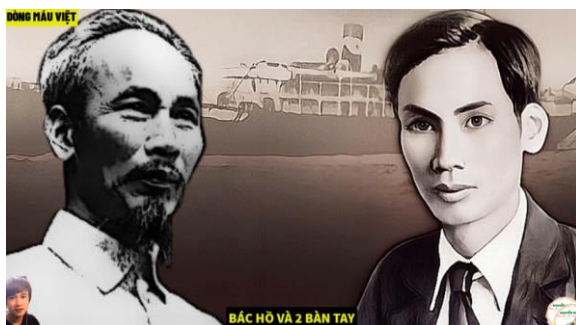


Nguyễn Tất Thành học ở Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba, Trường Quốc học Huế



Nguyễn Tất Thành đi vào Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học ở Trường Dục Thanh

Nhìn lại các phong trào yêu nước như phong trào Cần Vương, mà tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Hương Khê do cụ Phan Đình Phùng lãnh đạo; Phong trào Đông Du của cụ Phan Bội Châu; Phong trào Đông Kinh nghĩa thực; cuộc khởi nghĩa Yên Thế do cụ Hoàng Hoa Thám lãnh đạo; cuộc vận động cải cách của cụ Phan Châu Trinh và phong trào chống thuế của nông dân Trung Kỳ, Anh rất khâm phục và coi trọng các bậc tiền bối, nhưng Nguyễn Tất Thành không đi theo con đường đó. Thực tiễn thất bại của các phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX đã đặt ra nhiều câu hỏi và tác động đến chỉ hướng của Nguyễn Tất Thành, để rồi anh có một quyết định chính xác và táo bạo là xuất dương tìm đường cứu nước.



Ngày 5-6-1911, trên con tàu Amiral Latouche Tréville, từ cảng Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc, bắt đầu cuộc hành trình 30 năm tìm con đường giải phóng dân tộc, giải phóng đất nước. Vào thời điểm đó, không ai biết rằng vận mệnh của dân tộc Việt Nam đã gắn liền với quyết định ra đi của một con người mà lịch sử đã chứng tỏ là sáng suốt, phi thường ấy.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Thời gian	Sự kiện chính
19/5/1980	Ngày sinh của Người, hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, quê ở Nghệ An
1985	Theo cha mẹ vào sinh sống ở Huế
1906	Nguyễn Tất Thành học ở Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba, Trường Quốc học Huế,...
1910	Nguyễn Tất Thành đi vào Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học ở Trường Dục Thanh
5/6/1911	Bến Nhà Rồng (Sài Gòn), Nguyễn Tất Thành lấy tên Văn Ba ra đi tìm con đường cứu nước

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

❖ Thời niên thiếu và những hoạt động đầu tiên (1890 – 1911)

- Chủ tịch Hồ Chí Minh (thuở nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung) sinh ngày 19/5/1890, quê cha ở Làng Sen, quê mẹ ở làng Hoàng Trù xã Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An).

- Năm 1906, Nguyễn Tất Thành theo cha vào Huế, học ở Trường Tiểu học Pháp – Việt Đông Ba, Trường Quốc học Huế,... Năm 1910, Nguyễn Tất Thành đi vào Phan Thiết (Bình Thuận), dạy học ở Trường Dục Thanh, được các sĩ phu duy tân tạo điều kiện tìm đường cứu nước.

- Ngày 05-6-1911, từ Bến Nhà Rồng (Sài Gòn), Nguyễn Tất Thành lấy tên Văn Ba ra đi tìm đường cứu nước.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

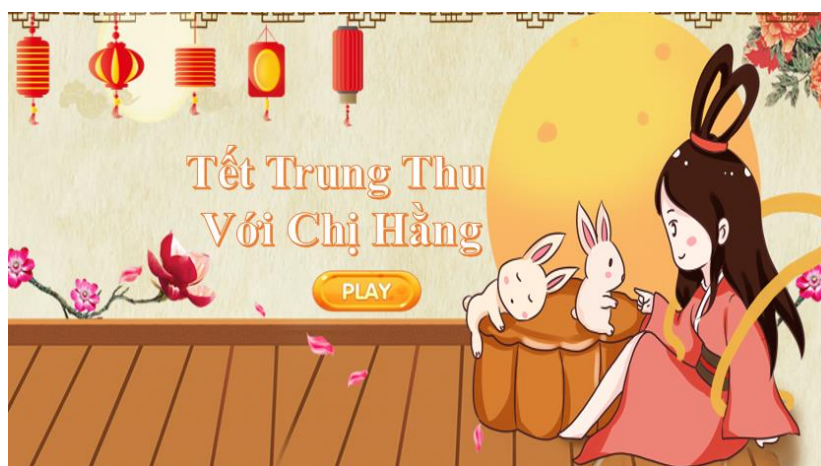
b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: Tết Trung Thu Với Chị Hằng

GV mời HS tham gia trò chơi: GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm cử đại diện trả lời câu hỏi, đúng sẽ nhận được điểm cộng



Câu 1: Thuở nhỏ Bác Hồ có tên gọi là gì?

Câu 2: Em hãy cho biết tên ba và mẹ của Bác Hồ?

Câu 3: Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước vào ngày tháng năm nào?

Câu 4: Chủ tịch Hồ Chí Minh từng dạy học ở trường nào?

Câu 5: Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đi tìm đường cứu nước với tên gọi gì?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

Câu 1: Nguyễn Sinh cung

Câu 2: Nguyễn Sinh Sắc và Hoàng Thị Loan

Câu 3: 5/6/1911

Câu 4: Trường Dục Thanh

Câu 5: Văn Ba

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS
- b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.
- c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Viết bài giới thiệu về một cuốn sách hoặc một bộ phim về chủ tịch Hồ Chí Minh. Nêu cảm nghĩ của em về cuốn sách hoặc bộ phim đó.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tiết PPCT: 42
Ngày soạn: 2/2/2026

BÀI 15: KHÁI QUÁT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP CỦA HỒ CHÍ MINH (T2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh.
- Tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh.
- Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên. Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; đánh giá được khả năng của bản thân và tự nhận công việc phù hợp, tương tác tốt với các bạn cùng nhóm.

* *Năng lực riêng:*

- + Năng lực tìm hiểu lịch sử: biết cách khai thác, sưu tầm, sử dụng tư liệu để tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- + Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử: tóm tắt được những nét cơ bản trong tiểu sử của Hồ Chí Minh; nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh; nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.

3. Về phẩm chất

Bồi dưỡng lòng biết ơn, ý thức trân trọng những công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với lịch sử dân tộc.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Giúp HS

Khơi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

Những hình ảnh dưới đây đang nói về sự kiện lịch sử nào



Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập.

- HS trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn, theo dõi, hỗ trợ HS nếu cần thiết

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV mời đại diện HS trả lời câu hỏi.
- GV mời HS khác nhận xét, bổ sung.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.
- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

- a. Mục tiêu-** – Nêu được tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh.
- b. Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c. Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức
- d. Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi và hoàn thành phiếu học tập

? Hoàn thành bảng tóm tắt tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh (1911 – 1969)

Tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh (1911 – 1969)		
Thời gian	Hoạt động	Ý nghĩa
1911 - 1920		
1921 - 1930		
1941 - 1945		
1945 - 1969		

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

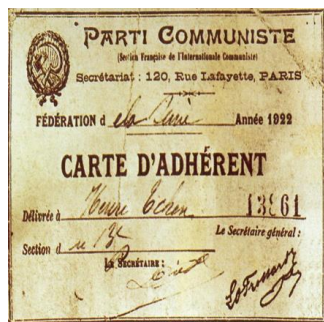
- GV hướng dẫn HS đọc thông tin trong SGK.

GV cung cấp thông tin hình ảnh

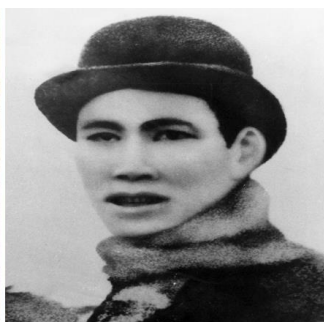


“Bản yêu sách 8 điểm”

Hội nghị Vec-xai



Thẻ đảng viên Đảng Cộng sản Pháp của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.



Đồng chí Nguyễn Ái Quốc năm 1919 tại Paris.

Nội dung “Yêu sách của nhân dân An Nam”

1. Tổng ân xá cho tất cả những người bản xứ bị án tù chính trị;
2. Cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những đảm bảo về mặt pháp luật như người Âu châu; xóa bỏ hoàn toàn các toà án đặc biệt dùng làm công cụ để khủng bố và áp bức bộ phận trung thực nhất trong nhân dân An Nam;

3. Tự do báo chí và tự do ngôn luận;
4. Tự do lập hội và hội họp;
5. Tự do cư trú ở nước ngoài và tự do xuất dương;
6. Tự do học tập, thành lập các trường kỹ thuật và chuyên nghiệp ở tất cả các tỉnh cho người bản xứ;
7. Thay thế chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật;
8. Đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra, tại Nghị viện Pháp để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ.



Một số báo L'Humanité xuất bản cách đây 100 năm.



Báo Nhân đạo đã đăng toàn văn Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin.



Tháng 12-1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp ở thành phố Tours với tư cách đại biểu Đông Dương đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập quốc tế thứ ba và tham gia sáng lập ĐCS Pháp.



Báo Người cùng khổ và tranh châm biếm của báo do nhà cách mạng Nguyễn Ái Quốc vẽ.



Nguyễn Ái Quốc giảng bài tại lớp huấn luyện cán bộ cách mạng Việt Nam tại Quảng Châu, Trung Quốc.



Báo Thanh niên – cơ quan ngôn luận của Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí Hội, số ra đầu tiên ngày 21/6/1925

Tư cách một người khách mệnh



Tự mình phải:
Cần kiệm.
Hoà mà không tư.

Cả quyết sửa lỗi mình.

Cẩn thận mà không nhút nhát.

Hay hỏi.

Nhẫn nại (chịu khó).

Hay nghiên cứu, xem xét.

Vị công vong tư.

Không hiếu danh, không kiêu ngạo.

Nói thì phải làm.

Giữ chủ nghĩa cho vững.

Hy sinh.

Ít lòng tham muốn về vật chất.

Bí mật.

(trích sách Đường Kách mệnh)



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Dự kiến sản phẩm

Tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh (1911 – 1969)		
Thời gian	Hoạt động	Ý nghĩa
1911 - 1920	<ul style="list-style-type: none">- Nguyễn Tất Thành đến nhiều nước châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ để tìm đường cứu nước và tìm hiểu cuộc sống của nhân dân lao động.- Từ cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành trở lại Pháp, tham gia hoạt động trong Đảng Xã hội Pháp.	Người từ chủ nghĩa yêu nước, đến với chủ nghĩa cộng sản, tìm ra con đường giải

	<p>- Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc, gửi tới Hội nghị Véc-xai bản Yêu sách của nhân dân An Nam.</p> <p>- Tháng 7 – 1920, Nguyễn Ái Quốc đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lê-nin tìm thấy con đường cứu nước.</p> <p>- Tháng 12 - 1920, Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII của Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản và tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.</p>	phóng dân tộc Việt Nam
1921 - 1930	<p>- Từ giữa năm 1921 đến tháng 6 – 1923, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Pháp; Người cùng một số nhà cách mạng thành lập Hội Liên hiệp thuộc địa (1921), ra báo Người cùng khổ,...</p> <p>- Từ tháng 6 – 1923 đến cuối năm 1924, Nguyễn Ái Quốc hoạt động ở Liên Xô. Tháng 11 – 1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên và ra báo Thanh niên.</p> <p>- Từ giữa năm 1927 đến cuối năm 1929, Nguyễn Ái Quốc hoạt động cách mạng ở Pháp, Đức, Xiêm,... Đầu năm 1930, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.</p>	Tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin, sáng lập Đảng Cộng sản, chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối cứu nước bằng việc ra đời của Đảng Cộng Sản Việt Nam
1941 - 1945	<p>- Tháng 5 – 1941, Nguyễn Ái Quốc triệu tập và chủ trì Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương lần thứ 8, sáng lập Việt Nam Độc lập Đồng minh (Việt Minh)</p> <p>- Tháng 8 – 1942, Nguyễn Ái Quốc sang Trung Quốc bắt liên lạc với lực lượng Đồng minh chống phát xít. Tháng 9 – 1944, Người về nước, tiếp tục lãnh đạo cách mạng; ra Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân (12 – 1944).</p>	Người trở về nước, hoàn chỉnh đường lối cách mạng giải phóng dân tộc, thực hiện khát vọng độc lập, tự do cho dân tộc Việt Nam

	<p>- Tháng 8 – 1945, Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi; được cử làm Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</p> <p>Ngày 02-9-1945, Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập</p>	
1945 - 1969	<p>- Từ tháng 9 – 1945 đến tháng 12 – 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền, chống thù trong giặc ngoài.</p> <p>- Từ 12/1946 đến 7/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 – 1954), chủ trì Đại hội đại biểu lần thứ II của Đảng Cộng sản Đông Dương (02 – 1951).</p> <p>- Từ 7/1954 đến 9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trì Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng Lao động Việt Nam (9 – 1960), lãnh đạo công cuộc xây dựng cách mạng XHCN ở miền Bắc, cuộc kháng chiến chống Mỹ và đấu tranh thống nhất nước nhà.</p> <p>- Ngày 02-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tại Thủ đô Hà Nội.</p>	Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Tiểu sử và tiến trình hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh

Những năm tháng hoạt động ở nước ngoài (1911 – 1941)

Đây là giai đoạn hoạt động ở nước ngoài của Hồ Chí Minh với những hoạt động nổi bật như tìm thấy con đường cứu nước, trở thành người Cộng sản đầu tiên....

Trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1941 – 1969)

Đây là giai đoạn Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) và kháng chiến chống Mỹ cứu nước từ năm 1954 đến năm 1969.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV mời HS tham gia trò chơi: GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm cử đại diện trả lời câu hỏi, đúng sẽ nhận được điểm cộng



Câu 1: Bác Hồ tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc thông qua sự kiện nào sau đây?

- A. Gửi yêu sách của nhân dân An Nam tới hội nghị Véc xai
- B. Đọc luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin
- C. Sáng lập ra Đảng Cộng sản Việt Nam
- D. Lãnh đạo cách mạng tháng Tám

Câu 2: Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản (3/2/1930) đã thống nhất đặt tên Đảng là gì?

- A. Đông Dương Cộng sản Đảng
- B. Đảng Lao động Việt Nam
- C. Đảng Cộng sản Đông Dương
- D. Đảng Cộng Sản Việt Nam

Câu 3. Nguyễn Ái quốc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam vào khoảng thời gian nào sau đây?

- A. 5/6/1911
- B. 28/1/1941
- C. 3/2/1930
- D. 19/5/1969

Câu 4. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa vào thời gian nào?

- A. 2/9/1945
- B. 3/2/1930
- C. 19/12/1946

D. 30/8/1945

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần)

Dự kiến sản phẩm

CH	1	2	3	4
DA	B	D	B	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập:

Sưu tầm câu chuyện kể về Bác Hồ học ngoại ngữ trong hành trình hoạt động cách mạng sau đó giới thiệu với thầy cô và các bạn cùng lớp

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Tuần: 25
Tiết PPCT: 43

KIỂM TRA GHK2
ĐỀ KTRA CHUNG CẢ TRƯỜNG

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá										
			TNKQ									Tự luận	
			Nhiều lựa chọn			"Đúng – Sai" ¹			Trả lời ngắn ²				
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu
1	Chủ đề 5. LỊCH SỬ ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM THỜI CẬN-HIỆN ĐẠI.	Bài 13. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam trong kháng chiến chống Pháp (1945 -1954) và kháng chiến chống Mĩ (1954-1975)	5			1(a)	1(b)	2(c,d)					1
		Bài 14. Hoạt động đối ngoại của Việt Nam từ năm 1975 đến nay	3			1 (a)	1 (b)	2 (c,d)					
2	Chủ đề 6. HỒ CHÍ MINH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM	Bài 15. Khái quát về cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh	4			2(a)	2(b)	4 (c,d)					
Tổng số câu			12			4	4	8					1
Tổng số điểm			3,0			4,0						3,0	
Tỉ lệ %			30			40						30	

SỞ GD & ĐT TP ĐÀ NẴNG
(2025- 2026)

MA TRẬN VÀ BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN.

MÔN: LỊCH SỬ 12

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA.